

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ N  
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 10-01-2023

V/v ly hôn giữa chị Lê Thúy D  
và anh Trần Văn T

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N - TỈNH NAM ĐỊNH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Thu Hiền.

*Các hội thẩm nhân dân:* Bà Trịnh Thị Kim Cúc.

Ông Lê Quang Bảo

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thanh Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 452/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Lê Thúy D, sinh năm 2002; địa chỉ cư trú: Khóm 6, đường N, phường 9, thành phố C, tỉnh C; (có mặt).

**- Bị đơn:** Anh Trần Văn T, sinh năm 1994; địa chỉ đăng ký thường trú: Số 4/92 T, phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định; địa chỉ cư trú: Số 23 Tr, phường Kh, thành phố N, tỉnh Nam Định; (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Tại đơn khởi kiện nộp ngày 10-11-2022, bản tự khai ngày 11-11-2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lê Thúy D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T có thời gian tìm hiểu rồi tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 9, thành phố C, tỉnh C vào ngày 18-9-2020 trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm nhiều vấn đề trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng chị đã nhiều lần nói chuyện với nhau nhưng không tìm được tiếng nói chung, không tìm được biện pháp giải quyết mâu thuẫn. Từ tháng 4-2021 chị chuyển về nhà mẹ đẻ chị ở thành phố C sinh sống, vợ

chồng chị đã sống ly thân từ thời gian đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Trần Lê K, (giới tính: Nữ), sinh ngày 18-3-2021. Nếu ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc vì cháu K còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của mẹ. Chị tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố N đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Trần Văn T nhưng anh Trần Văn T không đến Tòa án theo giấy triệu tập.

3. Tại biên bản thu thập chứng cứ đại diện Tổ dân phố số 7, phường Tr nơi anh Trần Văn T cư trú cung cấp: Anh Trần Văn T hiện đang sinh sống cùng bố mẹ anh T tại địa chỉ số 23 Tr, phường Kh, thành phố N. Anh T có vợ là chị Lê Thúy D. Sau khi kết hôn anh T và chị D sinh sống tại số nhà 23 Tr. Từ khoảng cuối năm 2021 chị D chuyển đi chỗ khác sinh sống, hiện nay chỉ có anh T ở tại địa chỉ trên. Về nguyên nhân mâu thuẫn tổ dân phố không biết.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N phát biểu ý kiến:

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ theo Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không đến làm việc mặc dù đã được tòa án tổng đạt hợp lệ.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử lý hôn giữa chị Lê Thúy D và anh Trần Văn T; giao cháu Trần Lê K, sinh ngày 18-3-2021 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Về tài sản chung, nợ chung: không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thúy D phải nộp toàn bộ theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố N nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Anh Trần Văn T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt anh Trần Văn T.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:*

Chị Lê Thúy D và anh Trần Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 9, thành phố C, tỉnh C vào ngày 18-9-2020 nên là hôn nhân hợp pháp.

Sau một thời gian chung sống, chị D và anh T xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện với nhau nhưng không có kết quả nên từ tháng 4-2021 đến nay vợ chồng anh chị đã sống ly thân. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T không đến nên Tòa án không hòa giải được. Tại phiên tòa chị Lê Thúy D vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Văn T.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị Lê Thúy D và anh Trần Văn T mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho ly hôn giữa chị Lê Thúy D và anh Trần Văn T.

[3]. *Về nuôi con chung:*

Chị Lê Thúy D và anh Trần Văn T có một con chung là cháu Trần Lê K, sinh ngày 18-3-2021. Chị D có nguyện vọng trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Xét thấy, cháu Trần Lê K dưới 36 tháng tuổi, lại là con gái rất cần sự chăm sóc của mẹ. Hiện tại cháu Hân đang ở với chị D, chị D có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con nên căn cứ Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cháu Trần Lê K cho chị Lê Thúy D trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Lê Thúy D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Chị Lê Thúy D là nguyên đơn trong vụ án nên phải nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý cho hôn giữa chị Lê Thúy D và anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Lê K, (giới tính: Nữ), sinh ngày 18-3-2021 cho chị Lê Thúy D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Lê Thúy D không yêu cầu anh Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thúy D phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Lê Thúy D đã nộp tại biên lai số 0005643 ngày 11-11-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N.

4. Chị Lê Thúy D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì chị Lê Thúy D và anh Trần Văn T có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Toà án nhân dân tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Nam Định;
- Chi cục Thi hành án TP Nam Định;
- UBND Phường 9, TP C;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Mai Thị Thu Hiền**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Thị Thu Hiền**